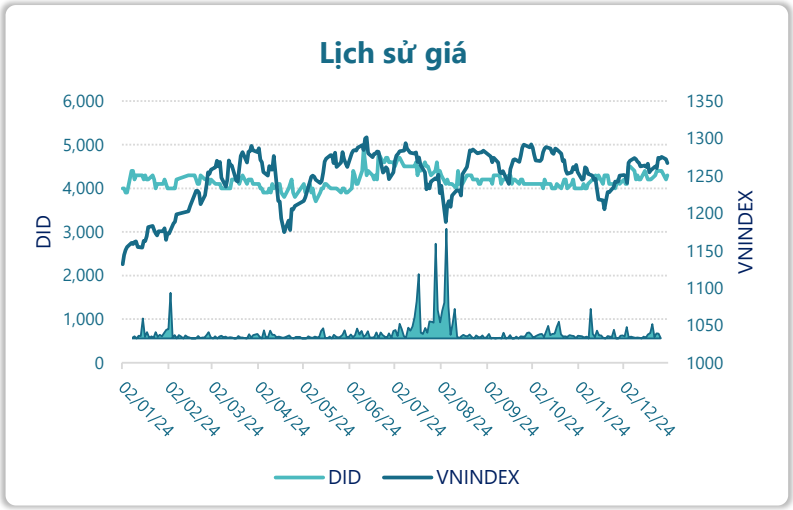
FireAnt

CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	15,622,552
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,830
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
P/E	49.0
EPS	88

DT thuần

Q4/24

89.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.1| 50.5%

YoY: ▼40.3| -31.0%

LN sau thuế

Q4/24

0.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40| -66.3%

YoY: ▲ 0.05| 28.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

238

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 4.8%

LN sau thuế

2024

1.37

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.10| 403%

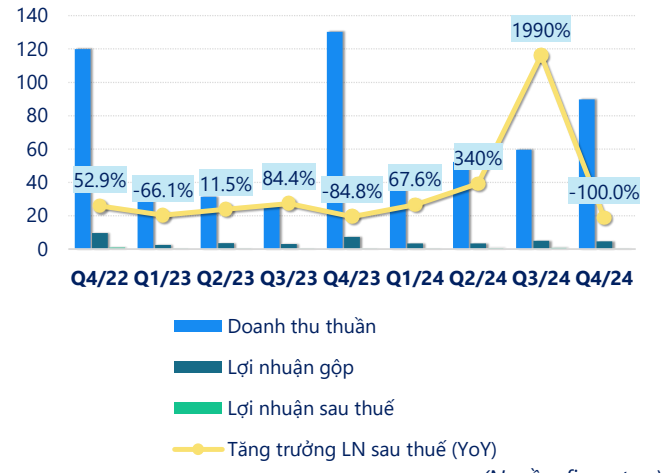
ROE

2024

0.7%

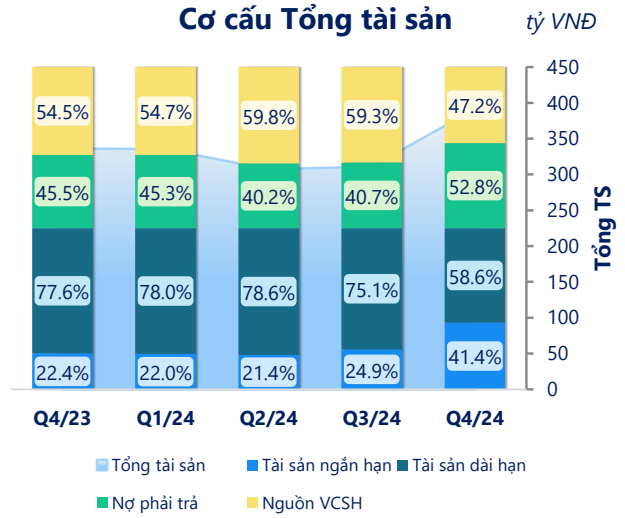
+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh



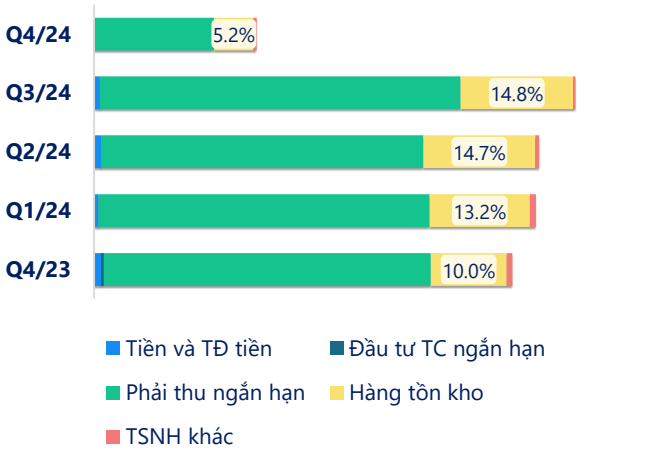
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



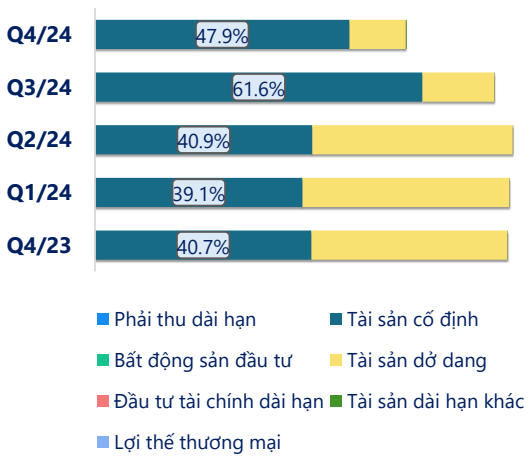
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



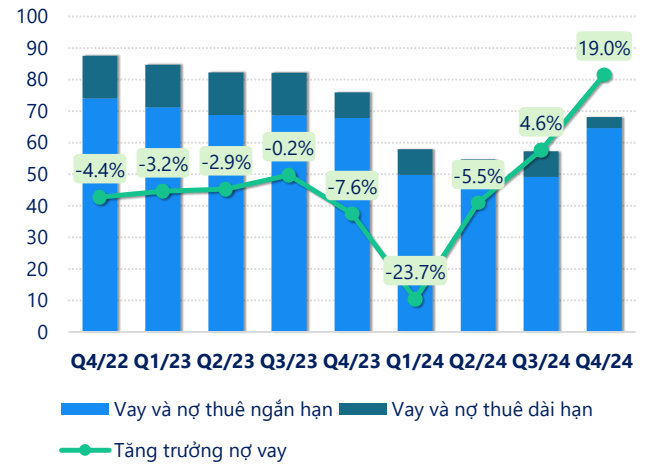
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



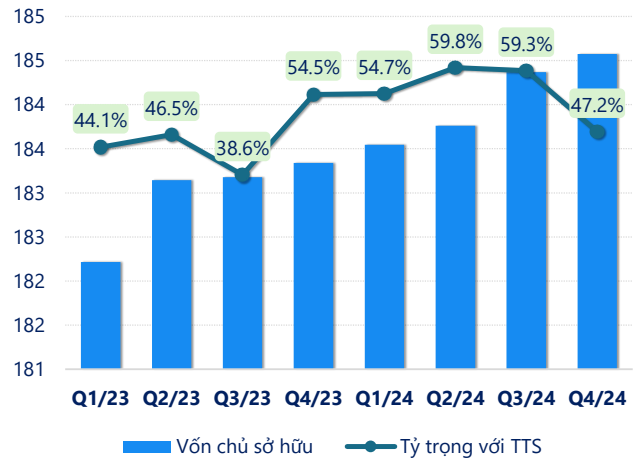
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



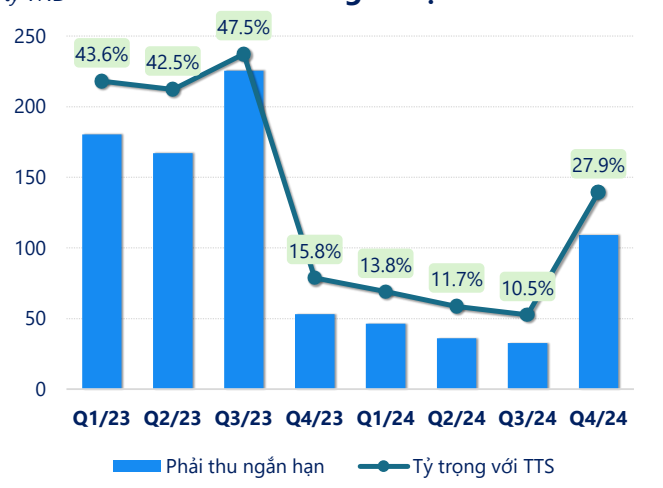
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



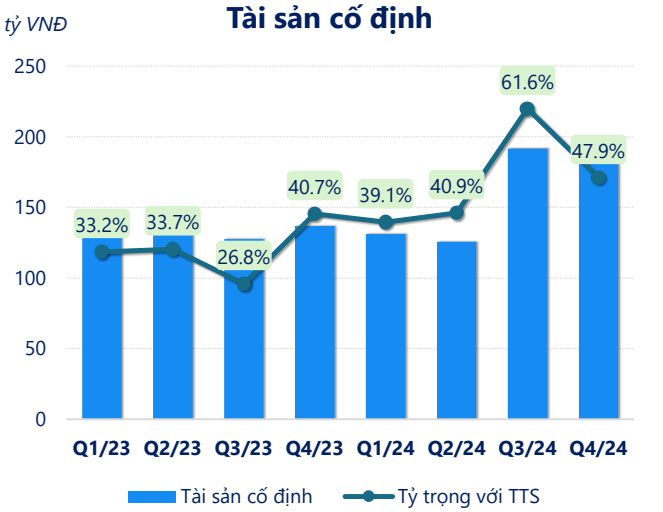
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



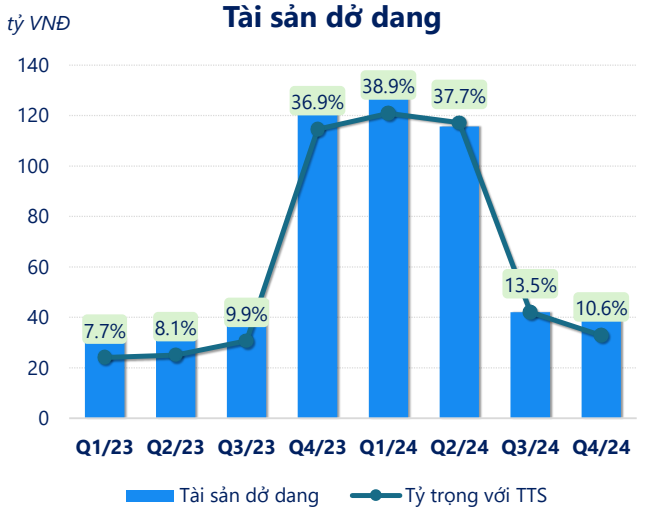
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



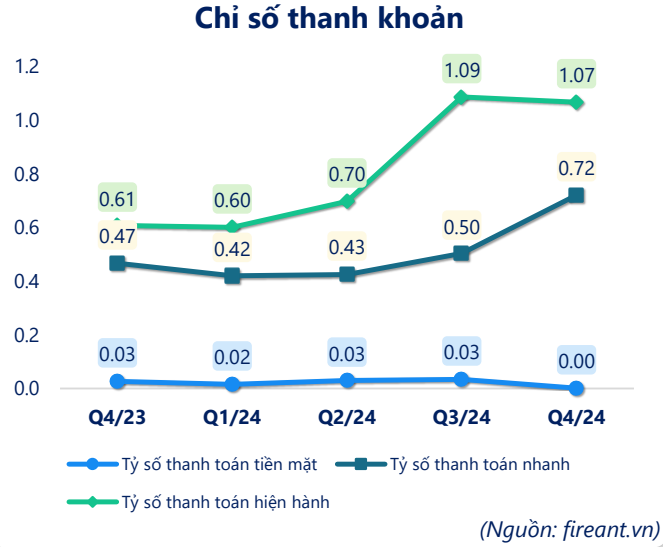
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



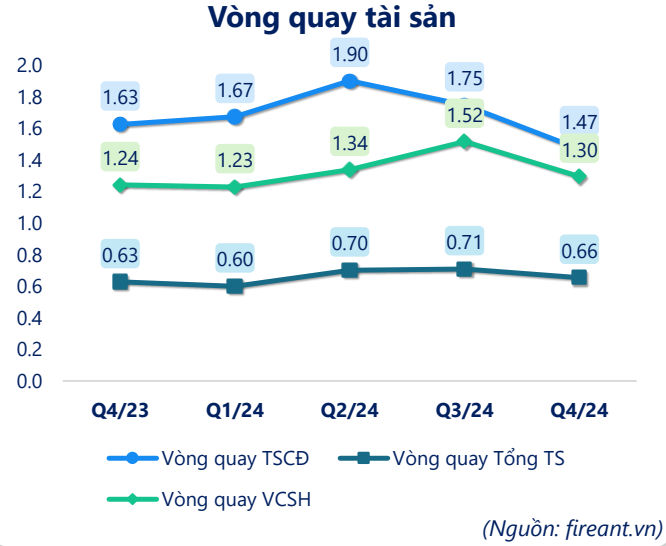
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**336**	**336**	**307**	**311**	**391**
Tài sản ngắn hạn	**75.1**	**73.9**	**65.7**	**77.3**	**162**
Tiền và tương đương tiền	3.35	1.91	2.81	2.42	0.18
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	53.0	46.3	36.0	32.7	109
Hàng tồn kho	17.4	22.2	25.6	41.5	52.6
Tài sản ngắn hạn khác	1.37	3.45	1.24	0.67	0.04
Tài sản dài hạn	**261**	**262**	**241**	**234**	**229**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	137	131	126	192	187
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	124	130	116	42.1	41.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0.15	0.15	0.15	0.08	0.08
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.06	0.04	0.02	0.63
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**153**	**152**	**123**	**127**	**207**
Nợ ngắn hạn	**124**	**123**	**94.2**	**71.2**	**152**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.8	49.8	46.6	49.1	64.6
Phải trả người bán ngắn hạn	35.9	26.3	43.7	11.1	83.5
Nợ dài hạn	29.1	29.1	29.1	55.5	55.1
Vay và nợ thuê dài hạn	8.10	8.10	8.10	8.10	3.50
Nguồn vốn chủ sở hữu	**183**	**184**	**184**	**184**	**185**
Vốn chủ sở hữu	**183**	**184**	**184**	**184**	**185**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)